

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày: 29-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Công Thành
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Như Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T - Sinh năm: 1989, tại H.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọ Dương 5, xã A, huyện A, thành phố H; Nơi đã lưu trú: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962; Mẹ: Lưu Thị U, sinh năm 1962; Vợ: Ngô Thị P, sinh năm 1989, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú(có mặt).

+ **Bị hại:** Anh Đào Văn H, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố H; Chỗ ở: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T và Đào Văn H là bạn cùng thôn N xã A, huyện A, thành phố H. Cả 2 vào tỉnh B tìm kiếm việc làm và cùng nhau thuê phòng trọ tại tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố B để ở. Khi ở cùng, anh H đã nhiều lần nhờ T rút tiền từ thẻ ATM của anh H nên biết mật khẩu. Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 17-10-2020, sau khi nhậu chung về, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định lấy trộm thẻ ATM của anh H để rút tiền. Đợi cho anh H ngủ say, T lấy thẻ ATM Ngân hàng TMCP Á của anh H đang để trong ví. Rồi T đi đến cây ATM

của Ngân hàng A tại số 265 Cách Mạng Tháng Tám, phường P, thành phố B rút số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, T về phòng trọ để thẻ ATM vào ví H rồi ngủ tiếp. Đến sáng ngày 18-10-2020, H phát hiện bị rút tiền trong tài khoản nên hỏi T nhưng T không thừa nhận. Sau đó, anh H làm đơn trình báo Công an. Đến ngày 22-10-2020, T đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đầu thú, ngày 23-10-2020 giao nộp số tiền 10.000.000 đồng cho CQĐT Công an thành phố B để khắc phục hậu quả.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

CQĐT Công an thành phố B đã trả số tiền 10.000.000 đồng cho anh Đào Văn H.

Anh Đào Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSBR ngày 07-01-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trái pháp luật của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, Quyết định của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 02 giờ ngày 17-10-2020, lợi dụng anh Đào Văn H đang ngủ tại phòng trọ thuộc tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố B, Nguyễn Văn T đã lén lút lấy trong ví của anh H 01 thẻ ATM Ngân hàng A rồi đi đến cây ATM của Ngân hàng A tại số 265 Cách Mạng Tháng Tám, phường P, thành phố B rút số tiền 10.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành và có đủ năng lực

trách nhiệm hình sự nên nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm, nhưng vì tham lam trước sự sơ hở của người khác nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo chỉ vì một phút không kìm chế được lòng tham nên bị cáo đã lựa chọn cách xử sự trái pháp luật. Do vậy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ việc này là cần thiết, nhằm áp dụng một mức hình phạt tương xứng, qua đó giúp cải tạo, giáo dục bị cáo biết sống tuân thủ pháp luật, cũng như răn đe, phòng ngừa những hành vi tương tự trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách trả lại đầy đủ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Được bị hại làm đơn xin bãi nại; Bị cáo đầu thú; có bố là thương binh - đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; hiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn phải nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội bằng hình phạt tù giam mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, chuộc lại lỗi lầm, lao động kiếm tiền nuôi con nhỏ, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại đủ số tiền 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **NGUYỄN VĂN T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt **Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (29-01-2021)**

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố H theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Không có yêu cầu nên không giải quyết.

+ **Về xử lý vật chứng:** Đã giải quyết xong.

+ **Về án phí:** Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Bà Rịa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Bà Rịa;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Bà Rịa;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo; đương sự vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Công Thành